

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày 23 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Mạnh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Kpă Kinh và ông Đặng Hoàng Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng, thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông Nay Ha, Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/QĐXXST-HS ngày 13/9/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1986 tại thị xã A, tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 100 B, phường T, TP. K, tỉnh K; nơi cư trú: Không có nơi ở ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P và bà Võ Thị M; có chồng là Võ Hoàng V và 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ ngày 21/5/2018, tạm giam ngày 30/5/2018 đến nay. Có mặt

- Bị hại: Nguyễn Thị X, sinh năm 1971

Trú tại: 79 L, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Đỗ Minh S, sinh năm 1990

Trú tại: Tổ 3, phường C, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt

2. Trịnh Bá T, sinh năm 1976

Trú tại: xã C, huyện I, tỉnh G. Vắng mặt

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: Nguyễn Thị H, sinh ngày 17/10/2004. Người đại diện hợp pháp: Nguyễn Thị X, sinh năm 1971

Trú tại: 79 L, phường Đ, thị xã A, tỉnh G. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 40 ngày 19/5/2018, Nguyễn Thị Thùy D điều khiển xe mô tô BKS: 81M1 – 050.59 của anh Đỗ Minh S đi từ nhà máy khoáng sản Đ thuộc xã C, huyện I, tỉnh G đến chợ thị xã A, tỉnh G mua thức ăn. Khoảng 17 giờ 15 cùng ngày, trên đường về D vào tiệm tạp hóa X của chị Nguyễn Thị X để mua dầu gội đầu. Tại đây trong lúc chờ mua hàng, D phát hiện thấy 01 túi xách bằng da màu nâu để ở trên bậc tam cấp nối giữa khu vực bán hàng với phòng ở phía sau, nghĩ bên trong túi xách có tài sản nên D nảy sinh ý định trộm cắp túi xách. Khi quan sát thấy không có người trông coi, D đi đến lấy túi xách nêu trên (bên trong túi xách có số tiền 1.617.000 đồng, 09 card Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 17 card Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 45 card Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 12 card Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 14 card mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 75 card mobifone mệnh giá 20.000 đồng và 02 cuốn sổ nhỏ). Sau khi chiếm đoạt được tài sản, D ra khỏi tiệm tạp hóa điều khiển xe mô tô nêu trên về xã C, huyện I, tỉnh G. Khi đi đến đoạn đường liên xã thuộc Buôn I, xã I, huyện I, tỉnh G thì D dừng lại mở túi xách lấy hết tiền và card điện thoại, còn túi xách và 02 cuốn sổ vứt bên lề đường. Số tiền và card điện thoại nêu trên D mang về cất giấu trong túi xách để ở cạnh đầu giường ngủ của D tại khu tập thể nhà máy khoáng sản Đ thuộc xã C, huyện I, tỉnh G.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, chị Nguyễn Thị X đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A trình báo. Sau đó đến ngày 21/5/2018, Nguyễn Thị Thùy D bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A phát hiện bắt giữ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 12 ngày 25/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã A kết luận: 01 túi xách bằng da, màu nâu, kích (24x7,5x19)cm có trị giá 112.500 đồng; 09 card Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 17 card Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 45 card Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 12 card Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 14 card mobifone mệnh giá 50.000 đồng và 75 card mobifone mệnh giá 20.000 đồng có trị giá 6.050.000 đồng. Tổng trị giá tài sản: 6.162.500 đồng (Sáu triệu một trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng chẵn).

** Vật chứng vụ án:*

- Tiền VNĐ: 1.617.000 đồng (gồm 03 tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng, 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 100.000 đồng, 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng, 01 tờ tiền giấy mệnh giá 5.000đ, 01 tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng); 09 (chín) card Viettel in mệnh giá 100.000 đồng, 17 (mười bảy) card Viettel in mệnh giá 50.000 đồng, 45 (bốn mươi lăm) card Viettel in mệnh giá 20.000 đồng, 12 (mười hai) card Mobifone in mệnh giá 100.000 đồng, 14 (mười bốn) card mobifone in mệnh giá 50.000 đồng, 75 (bảy mươi lăm) card mobifone in mệnh giá 20.000 đồng; 01 (một) túi xách da màu nâu, kích thước (24 x 7,5 x 19)cm; 01 cuốn sổ màu đen có kích thước (12,5x8,5x1)cm, bên trong có số và chữ và 01 cuốn sổ màu hồng, mặt trước có chữ @NEW KTBook, kích thước (15,5x9,8x1)cm, bên trong có số và chữ. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho chị Nguyễn Thị X (chủ sở hữu).

- Tiền VNĐ: 250.000 đồng (gồm 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền Polyme mệnh giá 50.000 đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6 màu vàng, lớp vỏ bằng kim loại có viền màu trắng, Imei:

359259068191120 là tài sản của Nguyễn Thị Thùy D không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ayun Pa đã trả lại cho bị can D.

- 01 (một) áo liền quần nữ màu cam, có hai ống quần, trên mặt trước áo liền quần này có 01 khóa dây kéo nằm dọc chính giữa thân áo; 01 (một) áo khoác nữ, màu xanh rêu, tay dài, có mũ trùm đầu may liền với áo, giữa ngực áo có đường sọc đỏ đen; 01 (một) đôi dép nhựa tổ ong màu vàng và 01 (một) đôi dép nhựa màu đen.

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius mang BKS: 81M1-05059, màu sơn đen xanh, số khung: RLCS5C6JOFY133561, số máy: 5C6J133561. Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại cho anh Đỗ Minh S (chủ sở hữu).

** Về trách nhiệm dân sự:*

Hiện nay, người bị hại là chị Nguyễn Thị X không yêu cầu gì đối với bị can Nguyễn Thị Thùy D.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thùy D về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy D khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị Thùy D về tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy D với mức án từ 07 tháng đến 10 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị Nguyễn Thị X không có yêu cầu gì thêm, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; đề nghị HĐXX trả lại cho bị cáo:

01 (một) áo liền quần nữ màu cam, có hai ống quần, trên mặt trước áo liền quần này có 01 khóa dây kéo nằm dọc chính giữa thân áo; 01 (một) áo khoác nữ, màu xanh rêu, tay dài, có mũ trùm đầu may liền với áo, giữa ngực áo có đường sọc đỏ đen; 01 (một) đôi dép nhựa tổ ong màu vàng; 01 (một) đôi dép nhựa màu đen.

Ý kiến của bị cáo: Thống nhất với tội danh, điều, khoản và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về xử lý vật chứng vụ án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với những chứng cứ, tài liệu thu thập được có tại hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 16 giờ 40 phút ngày 19/5/2018, lợi dụng sự sơ hở của chị Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị Thùy D lén lút chiếm đoạt túi xách của chị X, bên trong có số tiền 1.617.000 đồng, 09 card Viettel mệnh giá 100.000 đồng, 17 card Viettel mệnh giá 50.000 đồng, 45 card Viettel mệnh giá 20.000 đồng, 12 card Mobifone mệnh giá 100.000 đồng, 14 card mobifone mệnh giá 50.000 đồng, 75 card mobifone mệnh giá 20.000 đồng và 02 cuốn sổ nhỏ.

Tại Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh G số 12/KL-HĐĐG ngày 25/5/2018 kết luận: Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp của chị Nguyễn Thị X là 6.162.500 đồng và số tiền 1.617.000 đồng; Tổng cộng: 7.779.500 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh G đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật mà còn xâm phạm đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, trái đạo đức xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Về nhân thân: Mặc dù bị cáo là phụ nữ, chưa có tiền án tiền sự, nhưng từ năm 2016 đã đi khỏi nơi cư trú tại 100 B, phường T, TP. K, tỉnh K, đi đâu và làm gì gia đình và chính quyền địa phương không biết. Hiện không có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định. Xét tình hình loại tội “*Trộm cắp tài sản*” tại địa phương xảy ra nhiều và có chiều hướng diễn biến phức tạp, gây dư luận xấu trong nội bộ quần chúng nhân dân, tài sản của mình bất cứ lúc nào cũng có thể bị kẻ khác chiếm đoạt làm của riêng. Do đó, cần xử phạt tù bị cáo với mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với Đỗ Minh S là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 81M1-050.59; Trịnh Bá T là người cho bị cáo mượn xe mô tô; anh S và anh T đều không biết bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội. Vì vậy, anh S và anh T đều không có lỗi nên không có căn cứ khởi tố về hình sự là đúng pháp luật.

[2] Về những chứng cứ buộc tội, tội danh, điều, khoản áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với kết quả Nghị án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về ý kiến của bị cáo: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, điều, khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự nên hội đồng xét xử xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thùy D phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy D 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 21 tháng 5 năm 2018).

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Trả lại cho bị cáo: 01 (một) áo liền quần; 01 (một) áo khoác nữ; 02 (hai) đôi dép nhựa.

Đặc điểm nhận dạng vật chứng như Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập ngày 10/8/2018 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh G.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Thùy D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/10/2018), bị cáo có quyền kháng cáo bản án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được yết lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- VKSND TX A;
- VKSND tỉnh G;
- Công an TX A;
- Chi Cục THS DS TX A;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

- Lưu HS.

Dương Đình Mạnh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kpă Kinh

Đặng Hoàng Hùng

Dương Đình Mạnh